TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 848/2023/HC-PT
Ngày 28/11/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 304/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12848/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa:

- ***Người khởi kiện:*** Bà Phùng Thị P, sinh năm 1972; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; địa chỉ: Đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thành H1, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1979; trú tại: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phùng Thị P là anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Gia đình bà Phùng Thị P là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất khoảng 460m^2, thuộc thửa đất số 426, tờ bản đồ 06, địa chỉ thửa đất tại Thôn N (Khu F), xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích này đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 11/8/2006.

Năm 2017, bà P đã tự nguyện thực hiện thi hành án diện tích 230m^2 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Sau này, diện tích 230m^2 thuộc thửa đất 207, tờ bản đồ 25 trên được bán đấu giá tài sản cho anh Nguyễn Mạnh T. Sau khi bàn giao đất để thực hiện thi hành án, bà P đã xây tường ngăn đồng thời xếp gạch và rào cọc bê tông, cọc sắt, lưới B40 để tiếp tục sử dụng đất.

Đến tháng 12/2020, bà P nhận được Quyết định số 55/QĐ-KPHQ ngày 08/12/2020 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T với nội dung: *"buộc Bà Phùng Thị P phải tự tháo dỡ toàn bộ bức tường (tường xây không trát), hàng rào (cọc bê tông, cọc sắt, lưới B40) và di chuyển toàn bộ vật liệu xây dựng, cây cảnh và các vật, tài sản có liên quan khác ra khỏi vị trí vi phạm (trước thửa đất số 207, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại: Thôn N (Khu F), xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc) trả lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm"*. Bà P đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 55 này.

Ngày 26/3/2021, bà P nhận được Quyết định số 597/QĐ-CCKPHQ ngày 26/3/2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, với nội dung: *Yêu cầu bà Phùng Thị P tháo dỡ bức tường gạch và di chuyển toàn bộ vật liệu xây dựng, cây cảnh và các vật, tài sản có liên quan khác ra khỏi vị trí vi phạm...*

Sau khi tìm hiểu, bà P mới được biết về việc Sở T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Mạnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CL 512479, số vào sổ cấp GCN: CS 00182 cấp ngày 19/4/2018. Tuy nhiên, việc cấp GCNQSDĐ đối với diện tích của anh T là không đúng nên ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P, cụ thể:

Một là, gia đình bà P là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất trên:

Về nguồn gốc đất: gia đình bà P là chủ sử dụng toàn bộ diện tích 460m^2, thuộc thửa đất số 426, tờ bản đồ 06, địa chỉ thửa đất tại Thôn N (Khu F), xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong suốt khoảng thời gian dài gia đình bà sử dụng đất đúng quy hoạch, không lấn chiếm đất của ai, không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính. Cho đến năm 2017, bà P thực hiện bàn giao diện tích 230m^2 cho cơ quan thi hành án để thực hiện nghĩa vụ thi hành án, khi đó đã có việc bàn giao mốc giới cụ thể, rõ ràng.

Hai là, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Nguyễn Mạnh T thể hiện không đúng vị trí:

GCNQSDĐ đã cấp cho anh T tại phần ghi chú có nêu: Chiều dài cạnh thửa trên giấy chứng nhận được xác định theo hồ sơ kê biên, xử lý tài sản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, tại các Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 28/7/2011 và Biên bản về việc bàn giao cho người trúng đấu giá ngày 17/4/2017 đều thể hiện chiều cạnh của *"Phía đông: giáp hành lang giao thông 7,1m"*, đồng thời đối chiếu với Bản trích đo thửa đất hiện trạng ngày 28/7/2011 thì hành lang giao thông cách mặt đường quốc lộ 2C là 5.8m chiều sâu, vị trí của nhà ông T thì phải tính thụt lùi vào so với mặt đường là 5,8m. Nhưng trong sơ đồ thửa đất của ông T trên GCNQSDĐ lại thể hiện cạnh 2-3 giáp đường quốc lộ 2C là không đúng so với việc bàn giao mốc giới theo biên bản làm việc của cơ quan thi hành án.

Ba là, gia đình bà P sử dụng đúng mốc giới được bàn giao:

Mặt tiền của diện tích đất gia đình bà P là 16m, khi bàn giao cho cơ quan thi hành án chiều rộng (phía đông) 7,1m; phần còn lại của gia đình bà P, đồng thời thể hiện đất của ông T cách mặt đường quốc lộ 2C là 5,8m chiều sâu (là hành lang giao thông). Khi nhận bàn giao, bà P đã thực hiện việc xây tường và dựng lưới rào diện tích đất của gia đình lại để quản lý và sử dụng, không hề có hành vi gây khó khăn, cản trở người sử dụng đất diện tích đất đã bàn giao thi hành án. Chính bản thân anh T cũng đã xây ranh giới chạy dọc diện tích đất, đúng theo hiện trạng nhận (đất cách đường QL2C là 5,8m). Nhưng vì cho rằng anh T được cấp GCNQSDĐ vị trí sát đường quốc lộ 2C nên việc Ủy ban nhân đân (Sau đây viết tắt là UBND) huyện T nhận định việc bà P dùng phần đất hành lang đường (phần không bàn giao thi hành án) là cản trở quyền sử dụng đất của anh T, đồng thời ban hành cưỡng chế thực hiện việc tháo dỡ tường và công trình trên đất của gia đình bà P theo Quyết định số 597/QĐ-CCKPHQ ngày 26/3/2021 là không đúng.

Đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số CL512479, số vào sổ cấp GCN: CS 00182 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/4/2018 mang tên

Nguyễn Mạnh T đối với diện tích 230m^2 thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 25, địa chỉ: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Hoàng Văn Đ trình bày:*

Ngày 11/8/2006, bà Phùng Thị P được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AB 809977 đối với thửa đất số 426 tờ bản đồ 06, diện tích 460.0m^2 (trong đó có 400.0m^2 đất ở và 60.0m^2 đất trồng cây lâu năm) tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 28/7/2011, một phần quyền sử dụng thửa đất nêu trên của bà P bị kê biên, bán đấu giá theo biên bản kê biên, xử lý tài sản *(có sao gửi kèm theo)* thi hành Quyết định số 03/KDTM-ST ngày 18/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 22/01/2016, ông Nguyễn Mạnh T đã trúng đấu giá 230m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây lâu năm) là một phần thửa đất số 426 tờ 06 kể trên tại Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 05/HĐ-MBTSBĐG ngày 22/01/2016 đã được phòng C công chứng theo quy định.

Sau khi tiếp nhận 01 bộ hồ sơ đầy đủ của ông Nguyễn Mạnh T, Văn phòng Đ (VPĐKĐĐ) Chi nhánh T1 đã thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trường hợp kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án theo quy định. Căn cứ Quyết định thi hành án số 24/QĐ-CTHA ngày 20/5/2008; Quyết định kê biên tài sản số 19/QĐ-CTHA ngày 06/7/2011; Quyết định cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá số 20/QĐ-CTHA ngày 15/4/2016, ngày 17/4/2017, Cục thi hành án dân sự tỉnh chủ trì lập biên bản về việc giao tài sản cho người trúng đấu giá *(có chữ ký xác nhận của bà Phùng Thị P)*, kèm theo thông tin cụ thể chiều dài cạnh thửa đất. Ngày 19/4/2018, Sở T cấp GCNQSDĐ số CL 512479 cho ông Nguyễn Mạnh T tại thửa đất đã được bàn giao số 207 tờ 25 (bản đồ VN B) là một phần thửa đất số 426, tờ 06 của bà P đã nêu trên.

Sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ và kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, Văn phòng Đ Chi nhánh T1 đã thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 84, thực hiện cụ thể theo Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; thành phần hồ sơ theo khoản 5 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và trình Sở TNMT ký cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Mạnh T ngày 19/4/2018.

Sở T đã thực hiện thủ tục hành chính cấp mới GCNQSDĐ theo thẩm quyền quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

đất đai năm 2013. Hồ sơ đầy đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo điểm c, khoản 1, Điều 99 Luật đất đai 2013, trình tự thực hiện theo Điều 84, thực hiện cụ thể theo Điều 79 nghị định 43/2014/NĐ-CP. Thành phần hồ sơ đầy đủ theo khoản 5 Điều 9 Thông tư 24/TT-BTNMT. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 207 tờ 25 diện tích 230m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây lâu năm) cho ông Nguyễn Mạnh T là đúng quy định của pháp luật đất đai.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh T trình bày:*

Ngày 22/01/2016 ông T tham gia mua bán tài sản bán đấu giá tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T quyền sử dụng đất 230m^2 trong đó đất ở là 200m^2, đất vườn là 100m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất, người phải thi hành án dân sự là bà Phùng Thị P sinh năm 1972, thường trú khu 6 xã Đ, T, chủ tài sản là Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình tham gia đấu giá, ông đã nộp tiền đặt trước, nộp tiền trúng đấu giá đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ đối chiếu với các quy định của pháp luật, ngày 19/04/2018 ông được được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ số phát hành CL512479, số vào sổ cấp GCN CS00182, diện tích 230m^2 trong đó 200m^2 đất ở, 30m^2 đất vườn ở thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc như Bản án số 02/2010/DS-ST ngày 22/12/2010 về việc tranh chấp đòi lại tài sản và di sản thừa kế có sơ đồ hiện trạng kèm theo, cấp đúng theo biên bản kê biên ngày 28/07/2011 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc, cấp đúng như biên bản giao nhận tài sản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc có cả chữ ký của bà P tự nguyện giao tài sản thi hành án dân sự.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị P về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL512479, số vào sổ cấp GCN: CS00182 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/4/2018 mang tên ông Nguyễn Mạnh T đối với diện tích đất 230m^2 thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 25, địa chỉ: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H trình bày: đề nghị thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đơn khởi kiện vì các lý do sau: Gia đình bà sử dụng đất đúng quy hoạch, không lấn chiếm đất của ai, không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính. Cho đến năm 2017, bà P thực hiện bàn giao diện tích 230m^2 cho cơ quan thi hành án để thực hiện nghĩa vụ thi hành án, khi đó đã có việc bàn giao mốc giới cụ thể, rõ ràng. GCNQSDĐ đã cấp cho anh T tại phần ghi chú có nêu rất rõ nhưng các Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 28/7/2011 và Biên bản về việc bàn giao cho người trúng đấu giá ngày 17/4/2017 đều thể hiện chiều cạnh của *"Phía đông: giáp hành lang giao thông 7,1m"*, đồng thời đối chiếu với Bản trích đo thửa đất hiện trạng ngày 28/7/2011 thì hành lang giao thông cách mặt đường quốc lộ 2C là 5,8m chiều sâu, vị trí của nhà ông T thì phải tính thụt lùi vào so với mặt đường là 5,8m.

Khi nhận bàn giao, bà P đã thực hiện việc xây tường và dựng lưới rào diện tích đất của gia đình lại để quản lý và sử dụng, không hề có hành vi gây khó khăn, cản trở người sử dụng đất diện tích đất đã bàn giao thi hành án. Bản án sơ thẩm đã không đánh giá đúng chứng cứ, không khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét mọi vấn đề theo nội dung đơn khởi kiện đưa ra nhưng không có căn cứ chấp nhận do đó đã bác đơn khởi kiện của bà P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng.

[2] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét

xử căn cứ vào khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015 vẫn tiến hành xét xử theo quy định chung.

[3] Về nội dung: Thực hiện Bản án số: 03/2008/KDTM-ST ngày 18 tháng 3 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 7 năm 2011 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc đã lập Biên bản kê biên tài sản của bà Phùng Thị P là 230m^2 đất (Bút lục 34, 35 và 65 đến 67). Ngày 22/01/2016, Trung tâm D đã bán đấu giá tài sản và diện tích đất trên, ông Nguyễn Mạnh T đã trúng đấu giá 230m^2 đất, trong đó có 200m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây lâu năm là một phần thửa đất số 426 đứng tên trên GCNQSDĐ của bà Phùng Thị P (Bút lục 48,49 và 63, 64).

Theo như lời khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thì sau khi tiếp nhận 01 bộ hồ sơ đầy đủ của ông Nguyễn Mạnh T, Văn phòng Đ (VPĐKĐĐ) Chi nhánh T1 đã thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trường hợp kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án theo quy định. Căn cứ Quyết định thi hành án số 24/QĐ-CTHA ngày 20/5/2008; Quyết định kê biên tài sản số 19/QĐ-CTHADS ngày 06/7/2011; Quyết định cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá số 20/QĐ-CTHADS ngày 15/4/2016, ngày 17/4/2017, Cục thi hành án dân sự tỉnh chủ trì lập biên bản về việc giao tài sản cho người trúng đấu giá *(có chữ ký xác nhận của bà Phùng Thị P)*, kèm theo thông tin cụ thể chiều dài cạnh thửa đất. Ngày 19/4/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ số CL 512479 cho ông Nguyễn Mạnh T tại thửa đất đã được bàn giao số 207 tờ 25 (bản đồ VN B) là một phần thửa đất số 426 tờ 06 của bà P đã nêu trên (Bút lục 53).

Nay người khởi kiện cho rằng GCNQSDĐ đã cấp cho anh T tại phần ghi chú có nêu: Chiều dài cạnh thửa trên giấy chứng nhận được xác định theo hồ sơ kê biên, xử lý tài sản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, tại các Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 28/7/2011 và Biên bản về việc bàn giao cho người trúng đấu giá ngày 17/4/2017 đều thể hiện chiều cạnh của *"phía đông: giáp hành lang giao thông 7,1m"*, đồng thời đối chiếu với Bản trích đo thửa đất hiện trạng ngày 28/7/2011 thì hành lang giao thông cách mặt đường quốc lộ 2C là 5,8m chiều sâu, vị trí của nhà ông T thì phải tính thụt lùi vào so với mặt đường là 5,8m. Nhưng trong sơ đồ thửa đất của ông T trên GCNQSDĐ lại thể hiện cạnh 2-3 giáp đường quốc lộ 2C là không đúng so với việc bàn giao mốc giới theo biên bản làm việc của cơ quan thi hành án.

[4] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H: Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá như sau: Theo GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Mạnh T thửa đất có số 207, tờ bản đồ số 25,

địa chỉ khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 230m^2 thể hiện cạnh 1,2 = 32,40m; cạnh 2,3=7,10m; cạnh 3,4=32,40m; cạnh 4,1=7,10m. Tại phần ghi chú trong GCNQSDĐ có ghi: Chiều dài cạnh thửa trên giấy chứng nhận được xác định theo hồ sơ kê biên, xử lý tài sản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp theo Biên bản kê biên, xử lý tài sản vì trong GCNQSDĐ ghi đúng theo các cạnh chiều dài, chiều rộng theo biên bản kê biên, xử lý tài sản (Bút lục 35) trong GCNQSDĐ không có chỗ nào thể hiện là ghi giáp hành lang giao thông. Tại văn bản trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Sở T xác định: Đối với sơ đồ thể hiện trên trang 3 giấy chứng nhận được xác định từ mốc giới D, C tịnh tiến về phía đường QL 2C là 32,4m (Bút lục 36) theo biên bản bàn giao về việc giao tài sản cho người trúng đấu giá ngày 17/4/2017, ngoài chỉ giới nêu trên còn lại được xác định là đất giao thông.

Về trình tự cấp GCNQSDĐ, Sở T đã thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Điểm đ, khoản 1, Điều 99 Luật đất đai 2013; Điều 79, 84 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 9 Thông tư 24/TT-BTNMT là đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số CL512479, số vào sổ cấp GCN: CS00182 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/4/2018 mang tên ông Nguyễn Mạnh T đối với diện tích đất 230m^2 thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 25, địa chỉ: Khu F, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà P là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử cấp sơ chấp nhận là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cũng không cung cấp được tài liệu đặc biệt gì mới để làm căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị P (người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H) phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0006948 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng